

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Thanh Bình.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H3, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số xxx, khu vực M, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn U – Luật sư của Văn phòng Luật sư U thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số xxx, ấp x, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H3, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh C tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày 31-12-2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, do bất đồng quan điểm sống. Chị Ng nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh C đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Thời gian chung sống Chị Ng, anh C có hai con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 08-11-2014 và Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019. Các con chung hiện đang sống cùng với Chị Ng. Sau khi ly hôn, Chị Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Hiện tại Chị Ng có việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng số tiền 8.000.000 đồng, có thời gian để chăm sóc, nuôi dạy con nên không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thống nhất với Chị Ng về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn anh và Chị Ng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh C phát hiện Chị Ng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Anh C còn thương vợ không muốn ly hôn nhưng Chị Ng đã cương quyết thì anh C đồng ý ly hôn với Chị Ng.

Về con chung: Anh C thống nhất với Chị Ng là giữa anh và Chị Ng có hai con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 08-11-2014 và Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019. Các con chung hiện đang sống cùng với Chị Ng. Sau khi ly hôn anh C đồng ý giao con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 08-11-2014 cho Chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh C không phải cấp dưỡng cho con; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019 đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu Chị Ng phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Tờ tường trình nguyện vọng đề ngày 06-4-2022, cũng như tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 06-4-2022, cháu Lê Minh Kh trình bày:

Trường hợp cha, mẹ không sống chung với nhau nữa (ly hôn) cháu Khang có nguyện vọng được sống cùng với mẹ vì mẹ yêu thương, quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn cha.

- Phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Ng và anh C đã thuận tình ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Ng, anh C và không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho Chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh C đồng ý giao cháu Lê Hoàng Khang cho Chị Ng nuôi dưỡng, còn cháu Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Hoàng dưới 36 tháng tuổi, Chị Ng có việc làm, có thu nhập ổn định, có thời gian để chăm sóc con nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ng, cụ thể: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Ng và anh C; giao hai con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 08-11-2014 và Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019 cho Chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị Ng không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; Chị Ng và anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Văn C. Anh C cư trú tại Ấp H3, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định

quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng, anh C tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 368, quyển số: II/2013, ngày 31-12-2013. Tại thời điểm kết hôn Chị Ng, anh C đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Ng, anh C được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của Chị Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh C. Anh C đồng ý ly hôn với Chị Ng. Như vậy, Chị Ng và anh C đã thống nhất thuận tình ly hôn, sự thuận tình ly hôn này phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[4] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh số: 473, ngày 05-10-2017 và Trích lục khai sinh số: 1355, ngày 19-11-2019 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Ng và anh C có hai con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 08-11-2014 và Lê Minh H (giới tính: Nam), sinh ngày 06-9-2019. Chị Ng yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh C đồng ý giao cháu Khang cho Chị Ng nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoàng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, anh C đồng ý giao cháu Khang cho Chị Ng nuôi dưỡng, cháu Khang đang sống và có nguyện vọng được sống với Chị Ng nên giao cháu Khang cho Chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Lê Minh H, sinh ngày 06-9-2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25-7-2022) dưới 36 tháng tuổi. Chị Ng có việc làm, thu nhập hàng tháng ổn định, có thời gian chăm sóc, đưa rước con đi học nên đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh C là con út trong gia đình, hiện đang sống cùng và phải chăm sóc mẹ già, làm nghề tự do (mua bán chuối) và làm ruộng, thu nhập theo mùa vụ, không ổn định. Ngoài ra, anh C cho rằng Chị Ng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con nhưng anh C không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Hoàng, đảm bảo cuộc sống cháu Hoàng không bị xáo trộn, giao cháu Hoàng cho Chị Ng nuôi dưỡng là phù hợp. Như đã nhận định, yêu cầu về con chung của Chị Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*” và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Theo quy định này, anh C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị Ng. Đồng thời, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định viện dẫn, anh C là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Ng không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Ng, anh C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Ng, anh C thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Ng đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh Kh (giới tính: Nam), sinh ngày 08-11-2014 và Lê Minh H (giới tính: Nam), sinh ngày 06-9-2019 cho chị Nguyễn Thị Kim Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Kim Ng không yêu cầu anh Lê Văn C phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh Lê Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim Ng và anh C thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim Ng đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0003611 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ng số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CCTHADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt